

Chia động từ cần nhớ.

I	get up
you	go to school
we	go home
they	have breakfast
	have dinner

	<i><u>gets</u> up</i>
she	<i><u>goes</u> to school</i>
he	<i><u>goes</u> home</i>
it	<i><u>has</u> breakfast</i>
	<i><u>has</u> dinner</i>

- Có 3 điều cần ghi nhớ

- 1/ Ta thêm “s” vào sau động từ khi đi với chủ ngữ (She/ He/ It)
- 2/ Ta thêm “es” vào sau động từ khi đi với chủ ngữ (She, He, It) - khi các từ kết thúc bằng (ss, o, ch, s, x, sh, z) - **sáng sớm/ ông/ cháu /sửa /xe/ sh /zỏm.**)
- 3/ Tự đổi từ **have** sang **has** khi đi với chủ ngữ (She, He, It)

Phản thực hành

Chia động từ theo đúng chủ ngữ

1. I _____ (get up) at six o'clock.
2. We _____ (get up) at six o'clock.
3. She _____ (get up) at six o'clock.
4. I _____ (have breakfast)at seven o'clock.
5. You _____ (have breakfast)at seven o'clock.
6. My dad _____ (have breakfast)at seven o'clock.
7. I _____ (go to school).
8. You _____ (watch) TV with my mom.
9. She _____ (go to school).
10. I _____ (go home) at four o'clock.
11. They _____ (go home) at four o'clock.
12. She _____ (go home) at four o'clock.
13. My mom _____ (go home) at five o'clock.
14. I _____ (have dinner) at seven o'clock.
15. You _____ (have dinner)at seven o'clock.
16. She _____ (work) at night.
17. She _____ (walk) to school.
18. He _____ (have breakfast)at seven o'clock.
19. He _____ (watch) TV everyday.
20. I _____ (walk) to school everyday.
21. She _____ (cook) dinner at five o'clock.